



Thông tin Học sinh	
Tên Học sinh:	
Học sinh ID:	
Năm học:	
Lớp:	4
Giáo viên:	

Thông tin Trường học	
Tên Trường học:	
Hiệu trưởng:	
Điện thoại Trường học:	
Địa chỉ Trường học:	

Sự tham dự	Học kì 1	Học kì 2
Số ngày ở trường		
Số ngày vắng mặt		
Tỷ lệ có mặt		
Đi học muộn hoặc tan học sớm		

Dịch vụ sinh viên	
ELL Hoạt động	
ELL được quan sát	
Tài năng và Năng khiếu	
Giáo dục đặc biệt	

Thang đo mức độ thành thạo		
4	Thành thạo	Học sinh luôn thể hiện sự thông thạo các tiêu chuẩn của cấp lớp. Bằng chứng cho thấy khả năng áp dụng các khái niệm trong nhiều ngữ cảnh khác nhau.
3	Tiếp cận sự thành thạo	Học sinh có thể thể hiện sự hiểu biết một phần về các tiêu chuẩn của cấp lớp. Học sinh vẫn đưa ra bằng chứng mà thường có thể có sai sót.
2	Mức độ thành thạo tối thiểu	Học sinh không thể hiện sự hiểu biết về các tiêu chuẩn của cấp lớp. Học sinh đưa ra bằng chứng dưới cấp lớp đáng kể.
1	Không đủ bằng chứng hướng tới sự thành thạo	Thiếu bằng chứng để xác định mức độ thông thạo của các tiêu chuẩn cấp lớp.
NA	Không liên quan	Tiêu chuẩn đã không được đề cập trong học kỳ này hoặc học sinh đã không đăng ký đủ lâu để đánh giá chính xác.

ĐỌC HIỂU	S1	S2
Đọc văn bản cấp lớp với độ chính xác và trôi chảy để hỗ trợ khả năng hiểu. RF.4, RF.3		
Đọc và hiểu văn bản cấp lớp và văn bản thông tin một cách độc lập. RL.10, RI.10		
Sử dụng thông tin từ văn bản để trả lời câu hỏi và rút ra suy luận. RL.1, RI.1, RI.8		
Xác định chủ đề của một văn bản văn học và hỗ trợ bằng các dẫn chứng. RL.2, RL.9		
Tổng kết văn bản văn học. RL.2		
Sử dụng dẫn chứng để mô tả một nhân vật, bối cảnh hoặc sự kiện trong văn bản văn học. RL.3, RL.5, RL.6		
Xác định ý chính và các chi tiết hỗ trợ của một văn bản thông tin. RI.2, SL.2		
Giải thích các sự kiện, khái niệm và cấu trúc của văn bản thông tin với bằng chứng. RI.3, RI.5, RI.7		
Tích hợp thông tin từ hai văn bản để hỗ trợ chủ đề. RI.9, RI.6		
Nhận biết và giải thích ngôn ngữ tượng hình. L.5		

VIẾT	S1	S2
Sử dụng quy trình viết, viết các ý kiến ủng hộ một quan điểm kèm theo lý do và thông tin. W.1, W.5, W.4, W.10		
Sử dụng quy trình viết, viết các mẫu thông tin để giải thích một chủ đề và truyền đạt ý tưởng một cách rõ ràng. W.2, W.5, W.4, W.8, W.9		
Sử dụng quy trình viết, hãy viết những câu chuyện có thật hoặc tưởng tượng với một chuỗi sự kiện rõ ràng. W.3, W.5, W.4, W.10		
Sử dụng quy trình viết, viết một báo cáo nghiên cứu bằng cách sử dụng một số nguồn. W.7, W.5, W.4, W.6, W.8, W.9, W.10		
Sử dụng các quy ước của tiếng Anh chuẩn (viết hoa, dấu câu và chính tả) trong suốt quá trình viết. L.2		

Sinh viên:	Lớp: 4	Giáo viên:
------------	--------	------------

NGÔN NGỮ	S1	S2
Sử dụng đúng ngữ pháp và cấu trúc câu khi viết hoặc nói. L.1		
Xác định nghĩa của các từ chưa biết và nhiều nghĩa bằng cách sử dụng các gợi ý ngữ cảnh, tiền tố, hậu tố và từ gốc. L.4, RL.4, RI.4		
Sử dụng các từ và cụm từ phù hợp với nội dung và học thuật trong cuộc hội thoại một cách chính xác. L.6, L.3		

NÓI VÀ NGHE	S1	S2
Tham gia vào các cuộc thảo luận bằng cách duy trì chủ đề, giải thích ý tưởng cá nhân và xây dựng ý tưởng của người khác. SL.1, SL.3, SL.6		
Báo cáo về một chủ đề hoặc văn bản, kể một câu chuyện hoặc kể lại trải nghiệm một cách có tổ chức với các chi tiết để hỗ trợ ý chính. Nói rõ ràng với tốc độ dễ hiểu. SL.4, SL.5		

TOÁN HỌC	S1	S2
Sử dụng bốn phép toán (+, -, x, ÷), viết phương trình và giải các bài toán dạng chữ nhiều bước với các số nguyên. Giải thích các phần còn lại và kiểm tra tính hợp lý của câu trả lời. OA.3 OA.1, OA.2, OA.5		
Thể hiện sự hiểu biết về giá trị của các số nguyên có nhiều chữ số bằng cách nhận biết các mối quan hệ, thể hiện các số dưới nhiều dạng, so sánh và làm tròn số. NBT.1, NBT.2, NBT.3		
Sử dụng thuật toán chuẩn, cộng và trừ các số nguyên có nhiều chữ số một cách hiệu quả và chính xác. NBT.4		
Sử dụng nhiều chiến lược, nhân một số nguyên có đến 4 chữ số với số có một chữ số và hai chữ số với số có hai chữ số. NBT.5, OA.4		
Sử dụng nhiều chiến lược, chia một số nguyên có đến 4 chữ số cho một số có một chữ số. NBT.6		
Thể hiện sự hiểu biết về các phân số tương đương, và so sánh và thứ tự của các phân số. NF.1, NF.2		
Cộng và trừ các phân số và hỗn số có mẫu số chung, bao gồm cả các bài toán đố. NF.3		
Nhân một số nguyên với một phân số, bao gồm cả các bài toán đố. NF.4		
Viết lại các phân số có mẫu số là 10 hoặc 100 dưới dạng số thập phân và so sánh các số thập phân này. NF.5, NF.6, NF.7		
Giải các bài toán chuyển đổi các phép đo, bao gồm các bài toán về diện tích và chu vi. MD.1, MD.2, MD.3		

KHOA HỌC	S1	S2
Khoa học Đời sống: Hiểu thực vật và động vật có cấu tạo vật chất để giúp chúng tồn tại. 4-LS1, 4-PS4		
Năng lượng: Hiểu năng lượng có thể được truyền qua âm thanh, ánh sáng, nhiệt, dòng điện hoặc va chạm. 4-PS3, 4-ESS3		
Sóng: Hiểu được sóng và các mẫu có thể truyền các đối tượng và thông tin. 4-PS4		
Hệ thống của Trái đất: Hiểu theo thời gian, các lực giống nhau đã thay đổi bề mặt Trái đất theo những cách khác nhau. 4-ESS1, 4-ESS2, 4-ESS3, 3-5-ETS1		

KHOA HỌC XÃ HỘI	S1	S2
Hiểu các khái niệm về các đơn vị được giảng dạy (Lập pháp / Chính phủ, Kinh tế, Lịch sử và Địa lý).		

SỨC KHỎE	S1	S2
Hiểu các khái niệm về đơn vị được dạy.		

GIÁO DỤC THỂ CHẤT	S1	S2
Hãy tích cực tham gia và gắn bó.		
Thể hiện năng lực về kỹ năng vận động và các kiểu chuyển động.		

GIÁO DỤC ÂM NHẠC	S1	S2
Hát với âm vực và giai điệu thích hợp.		
Thực hiện trên các nhạc cụ với kỹ thuật thích hợp.		
Giải thích và áp dụng ký hiệu âm nhạc, từ vựng và số liệu.		

Sinh viên:	Lớp: 4	Giáo viên:
------------	--------	------------

KỸ NĂNG THÀNH CÔNG (Khoảng trống không được đánh dấu hiển thị các lĩnh vực thành công của học sinh / X chỉ ra nhu cầu cải thiện của học sinh)					
	S1	S2		S1	S2
Hoạt động độc lập và quản lý thời gian hiệu quả			Thể hiện sự tôn trọng đối với người lớn, học sinh, môi trường học đường và tài liệu		
Tích cực tham gia học tập			Thực hiện chuyển đổi thích hợp giữa các hoạt động của trường		
Tạo ra công việc chất lượng			Sắp xếp bản thân, tài liệu và đồ dùng		
Chăm chú lắng nghe và làm theo hướng dẫn			Sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề		
Chịu trách nhiệm về các lựa chọn và hành động			Hoàn thành bài tập đúng hạn		
Tuân theo lịch học và kỳ vọng của trường					

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN

Học kì 1

Học kỳ 2

